

VẤN ĐỀ TRẺ KHUYẾT TẬT VÀ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

ThS. NGUYỄN THỊ HUYỀN NHI*

Ngày nhận bài: 13/05/2016; ngày sửa chữa: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 16/05/2016.

Abstract: Children with disabilities in Ba Ria-Vung Tau province are mostly taking part in the Children's centers for the Physically Disabled or inclusive kindergartens and primary schools but the quality of inclusive education is still limited. One of reasons of this situation is low awareness of teachers and community on children with disabilities, even pedagogical students. The results of convey showed in this article point out that students at Ba Ria - Vung Tau Pedagogic College still confuse to recognize symptoms of these children because of unexperience to take care children with special needs. Therefore, the author proposes solutions to raise awareness for students of children with disabilities in order to improve the quality of teacher training for inclusive education.

Keywords: People with disabilities, children with disabilities, raising awareness, teacher.

Giao dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang thực hiện chủ yếu ở bậc mầm non và tiểu học. Đào tạo giáo viên để thực hiện giáo dục hòa nhập cho đối tượng này là một trong những nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, do chưa có sự tác động đến nhận thức của người học về vấn đề người khuyết tật (NKT) và giáo dục trẻ khuyết tật (TKT) nên chất lượng đào tạo chưa cao. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ này, trước hết cần có những biện pháp tăng cường nhận thức cho sinh viên (SV) về các vấn đề NKT và giáo dục TKT để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng giáo dục hòa nhập TKT ở các trường mầm non và tiểu học.

1. Vấn đề NKT và giáo dục TKT

NKT không phải là hiện tượng xa lạ với mọi người; nhưng trong thực tế cuộc sống, vấn đề NKT chưa được nhiều người nhận thức một cách đầy đủ. Để khảo sát nhận thức của SV về NKT và giáo dục TKT, chúng tôi đưa ra một số vấn đề làm nội dung khảo sát; đồng thời cũng nhằm tác động đến nhận thức của đối tượng được khảo sát, đó là:

1.1. Vấn đề pháp lí. Ngày 13/12/2006, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua *Công ước Quốc tế về các Quyền của NKT* (Convention on the Rights of Persons with Disabilities). Đến nay, đã có 155 quốc gia tham gia và 132 nước phê chuẩn Công ước này. Việt Nam là thành viên thứ 118 tham gia kí Công ước vào ngày 22/10/2007.

Ở Việt Nam, vấn đề NKT đã trở thành vấn đề mang tính pháp lí từ khi đưa vào Hiến pháp năm 1992. Từ đó cho đến nay, nhiều văn bản pháp quy về NKT được ban hành như: *Pháp lệnh NKT (1998)*, *Luật NKT (2010)*, *Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật,...* Bên cạnh đó, các bộ luật khác như: *Luật Lao động (1994)* và *Luật Đào tạo nghề (2006)* còn quy định việc làm cho NKT ở cơ quan doanh nghiệp. Đây là bằng chứng thể hiện bước chuyển lớn lao, khá căn bản về nhận thức và hành động thực tế của Nhà nước và xã hội Việt Nam đối với vấn đề NKT, từ cách thức tư duy nhìn nhận vấn đề NKT như việc nhân đạo, từ thiện sang tư duy về NKT trên cơ sở quyền con người [1].

1.2. Vấn đề bệnh lí. Cho đến nay, việc xác định đối tượng NKT thường dựa trên các tiêu chí của y tế liên quan đến các yếu tố thuộc về thể trạng con người và đây cũng là cơ sở để nhiều người đưa ra các định nghĩa khác nhau. Dựa trên các định nghĩa về NKT, có thể chia ra thành ba loại: *khuyết tật thể chất* (suy giảm về cơ quan vận động, cơ quan thị giác, cơ quan thính giác, cơ quan phát âm), *khuyết tật trí tuệ* (chậm phát triển tinh thần) và *bại não* (phối hợp cả hai loại trên). Nhiều người đã chia đối tượng NKT dựa trên các mức độ suy giảm là: *khiếm khuyết* (impairment), *khuyết tật* (disability) và *tàn tật* (handicap). Căn cứ vào nguyên nhân, có người phân biệt NKT ở hai dạng: *khuyết tật bẩm sinh* và *khuyết tật mắc phải khi phát triển*.

* Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Dựa trên các xét nghiệm lâm sàng và các thí nghiệm khoa học, người ta đã xác định được một số nguyên nhân mắc phải dẫn đến tình trạng khuyết tật ở trẻ. Một đứa trẻ sinh ra không lành lặn không phải do “tiền kiếp” như quan niệm của một số tôn giáo mà phần lớn do những tác động của môi trường, điều kiện sống dẫn đến một số sai lệch trong sao chép gene hoặc nhiễm sắc thể; có trường hợp do người mẹ lúc mang thai nhiễm một số vi khuẩn, virus như: Rubella, Toxoplasmosis, Cytomegalovirus,... Ngoài ra, tình trạng nghiện ngập bia rượu, thuốc lá, thuốc phiện hay tác động của một số thuốc điều trị, có những trường hợp do tình trạng suy dinh dưỡng, mắc một số căn bệnh hoặc trầm cảm ở người mẹ cũng gây ra hậu quả cho con. Sau khi ra đời, có những đứa trẻ khỏe mạnh nhưng trong quá trình phát triển mắc phải một số căn bệnh do một số loại virus gây ra như: virus Arbo nhóm B gây viêm não Nhật Bản, virus cúm Influenza,... hoặc do tai nạn gây chấn thương sọ não, nhiễm trùng gây viêm màng não,... [2].

Tiếp cận trên phương diện bệnh lý học, người ta có thể phòng ngừa hay can thiệp sớm để giảm thiểu tình trạng khuyết tật ở trẻ.

1.3. Vấn đề tâm lý. Trong nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy, vấn đề tâm lý TKT là một hiện tượng phức tạp. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ điểm qua một số vấn đề về tâm lý TKT trong phạm vi học đường thường được gọi là khuyết tật học tập (learning disabilities) - một dạng của TKT.

TKT học tập thường có những hạn chế trong việc đọc, viết, tính toán, ghi nhớ, tổ chức,... là những điều có khả năng tạo ra khoảng cách so với trẻ bình thường. Đối với nhiều em, cảm xúc mạnh mẽ của sự thất vọng, giận dữ, buồn bã hay xấu hổ có thể dẫn đến những trở ngại về tâm lý như lo âu, trầm cảm hay lòng tự trọng thấp, cũng như các vấn đề về hành vi như lạm dụng chất gây nghiện hoặc phạm tội ở lứa tuổi vị thành niên. Theo tiến sĩ Marshall Raskind, một chuyên gia trong lĩnh vực khuyết tật học tập, hậu quả của những trở ngại tâm lý nói trên “có thể gia tăng sự tàn phá tâm lý hơn những thách thức tự học tập, mặc dù mức độ nghiêm trọng có thể thay đổi khi các em lớn lên, nhưng những vấn đề này có thể dẫn các em đi đến những con đường khác nhau khi đã đến tuổi trưởng thành” [3]. Vì thế, sự cần thiết phải giúp đỡ các em về mặt tâm lý, tạo động lực để các em tự đấu tranh để vượt qua những mặc cảm, rút ngắn khoảng cách với các trẻ em khác là vấn đề cần được mọi người trong xã hội quan tâm, đồng thời ngành giáo dục phải có những sáng kiến để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này.

1.4. Vấn đề giáo dục TKT. Theo thống kê dân số năm 2009, ở Việt Nam có khoảng 1,3 triệu trẻ em khuyết tật (chiếm 3,1% trẻ em cả nước). Những khuyết tật ở trẻ hiện nay chủ yếu là: bại não, hội chứng Down, chậm phát triển tâm thần, tự kỉ, dị tật dị chứng, khiếm thính, khiếm thị...

Khi vấn đề về cơ hội học tập của trẻ em khuyết tật lần đầu tiên được đặt ra, nhiều nhà giáo dục trên thế giới đã bằng lòng với việc đưa các đứa trẻ này vào trong những trường học đặc biệt. Tuy nhiên, giáo viên dạy TKT ở các trường chuyên biệt thường có sự hoài nghi về tính hiệu quả của hoạt động giáo dục đối với đối tượng này [4]. Chính vì vậy, TKT trong các trường chuyên biệt thường nhận được sự nuôi dưỡng nhiều hơn là giáo dục. Bên cạnh đó, những học sinh này thường không có cơ hội tiếp xúc với những đứa trẻ cũng như người lớn bình thường, và điều này chỉ tiếp tục xây dựng những rào cản ngăn cách NKT với những người khác. Giáo dục chuyên biệt mang lại cho TKT rất ít cơ hội để trở thành những thành viên đóng góp tích cực cho xã hội, và thay vì đem đến cho TKT quyền được đi học, giáo dục chuyên biệt thực chất trở thành một chướng ngại vật không cho TKT đạt được tiềm năng cao nhất của mình.

Giáo dục hòa nhập TKT có thể khắc phục được những hạn chế của giáo dục chuyên biệt bởi khi được học tập và sinh hoạt với các trẻ em bình thường khác, TKT có cơ hội tiếp xúc bình đẳng với nền giáo dục, cái đang mang lại thành công cho những người bình thường, nhờ đó mà các em có cơ hội về việc làm, “làm yếu đi mối liên hệ giữa khuyết tật và nghèo đói” [5]. Tuy nhiên, đối với TKT, để có được quyền được giáo dục này là “một cuộc chiến mà quá ít người có thể giành phần thắng, nhất là khi có ít người biết đến hoặc họ có những hiểu biết sai lầm về khuyết tật” [3]. Việc xây dựng một hệ thống giáo dục mang đến những cơ hội và sự công nhận bình đẳng cho tất cả mọi người là bước đi đầu tiên để giải quyết vấn đề nhận thức và cũng phải bắt đầu bằng giáo dục nhận thức.

2. Biện pháp nâng cao nhận thức cho SV sư phạm về giáo dục TKT

2.1. Từ thực trạng. Hiện nay, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 13 cơ sở nuôi dạy TKT công lập và ngoài công lập, trong đó có 4 trường nuôi dạy TKT (Trường Nuôi dạy TKT Bà Rịa, Trường Khiếm thị Hữu nghị Tân Thành, Trường Khuyết tật Mai Linh, Trường Thánh tâm Chúa Jesus) và 9 trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cơ nhỡ, khuyết tật. Tổng số trẻ trong các cơ sở giáo dục và nuôi dưỡng này là 2.435 em, trong đó có 1.831 TKT. Bên

canh số TKT ở các trường và các trung tâm chăm sóc và giáo dục TKT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn có khoảng hơn 1.300 em đang tham gia giáo dục hòa nhập trong các trường mẫu giáo và tiểu học trên địa bàn tỉnh. Với số lượng TKT như vậy, chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục đối với TKT trong các cơ sở nuôi dạy và giáo dục, đặc biệt là thiếu giáo viên chuyên trách.

Để tác động đến ý thức, đồng thời xây dựng cơ sở thực tiễn cho các biện pháp nâng cao nhận thức về giáo dục TKT cho SV, chúng tôi tiến hành điều tra sự hiểu biết của SV về TKT và giáo dục TKT. Theo phương pháp chọn mẫu, chúng tôi lấy ngẫu nhiên 80 SV gồm 40 SV giáo dục tiểu học và 40 SV giáo dục mầm non. Khảo sát trên các mặt nhận thức: tính pháp lí, bệnh lí, tâm lí, giáo dục hòa nhập đối TKT. Qua phân tích số liệu điều tra kết hợp với phỏng vấn, chúng tôi nhận thấy nhận thức về NKT, giáo dục TKT của SV Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu đáng báo động (93,75% không biết có HS là TKT tham gia giáo dục hòa nhập trong các trường mầm non, tiểu học; 92,5% SV không biết các văn bản pháp luật và các chương trình quốc gia về TKT; 90% SV không xác định được các biểu hiện bệnh lí ở TKT,...). Kết quả thu được đã phản ánh tính thiếu thông tin, nhận thức sai lệch mơ hồ, thái độ thờ ơ của số đông SV. Đây cũng là nguyên nhân tại sao nhiều SV không lựa chọn môn học *Giáo dục hòa nhập TKT*. Với nhiều nguyên nhân mang tính khách quan và chủ quan từ phía hệ thống quản lí giáo dục, chính quyền địa phương và mọi người trong xã hội thì có một nguyên nhân theo chúng tôi hết sức quan trọng, đó là bản thân SV chưa được tiếp xúc với đối tượng TKT, chưa được trải nghiệm chăm sóc hay dạy dỗ TKT, chưa biết đến chương trình giáo dục dành cho TKT. Để nâng cao nhận thức về giáo dục TKT cho SV, chúng tôi sử dụng 2 biện pháp sau:

2.2. Tạo tình huống trong hoạt động dạy học. Việc sử dụng tình huống tác động đến nhận thức của SV được chúng tôi thực hiện ở hai hình thức: *tích hợp trong các học phần mình giảng dạy và tổ chức sinh hoạt chuyên đề cho học sinh trong các giờ sinh hoạt lớp*. Những tình huống mà chúng tôi đưa ra cho SV tranh cãi, bàn bạc, trao đổi thường gắn gũi và nằm trong tầm hiểu biết của SV: 1) *Kể lại câu chuyện Nguyễn Ngọc Ký đi học và thành công của ông trên con đường học vấn. Hãy tưởng tượng học sinh của mình có một em có hoàn cảnh tương tự như Nguyễn Ngọc Ký, anh chị làm gì để mang lại thành công cho em học sinh đó?* Tình huống này có hai vấn đề để bàn bạc và có mối liên hệ lẫn

nhau: sự thành công của TKT và giải pháp giúp trẻ thành công. Chúng tôi yêu cầu các nhóm trình bày và bảo vệ quan điểm của mình trước sự phản bác của nhóm kia. Kết quả là có được nhận thức ở SV: giúp đỡ trẻ em tàn tật phải bằng hành động điều khiển bởi trí tuệ tập thể; 2) *Một học sinh bị đi tật phải ngồi trên xe lăn đến lớp; trong khi em không nhận được sự cảm thông, giúp đỡ của các bạn trong lớp. Em học sinh khuyết tật đó đã nói với giáo viên là không muốn học nữa vì bị mọi người xa lánh. Trường hợp anh chị là giáo viên giảng dạy lớp đó, anh chị phải làm gì?* Tình huống này đòi hỏi SV phải xử lí bằng biện pháp giáo dục để mang đến kết quả: kết nối các học sinh trong lớp với em học sinh bị khuyết tật; 3) *Học sinh khiếm thính hay khiếm thị nên học ở trường khiếm thính, khiếm thị tốt hơn hay học hòa nhập trong các trường phổ thông bình thường tốt hơn?* Xử lí tình huống này, tôi đã cho các em tranh luận để đưa ra những phán đoán ban đầu. Những tình huống đã có tác dụng thực sự đối với nhận thức của SV, đồng thời là một sự chuẩn bị cho các em khi tham gia các hoạt động trải nghiệm.

2.3. Tổ chức cho SV tham gia các hoạt động trải nghiệm ở các cơ sở giáo dục TKT. Khi đưa SV tham quan các trường khuyết tật trên địa bàn gần nơi mình học, chúng tôi chuẩn bị trước cho SV về tâm lí và kế hoạch tham quan, trong đó tiếp xúc trực tiếp, giúp đỡ, cùng vui chơi và dạy các em khuyết tật tập đọc, tập viết và tính toán. Đây là hình thức để SV trải nghiệm với công việc giáo dục TKT. Sự trải nghiệm này được thực hiện ở nhiều cơ sở nuôi dạy TKT khác nhau, bởi mỗi cơ sở có đối tượng TKT không giống nhau. Tính đa dạng của TKT cùng với việc chăm sóc, giúp đỡ các đối tượng này sẽ giúp SV nhận thức đầy đủ về nhiệm vụ của mình và quyền mà TKT đáng được hưởng.

Để SV thực hiện các hoạt động trải nghiệm của mình một cách hào hứng và hiệu quả, chúng tôi hướng dẫn các em xây dựng kế hoạch bao gồm các bước: chọn đối tượng để giúp đỡ, tìm hiểu đối tượng để xác định các nội dung hoạt động giúp đỡ TKT, xây dựng lịch hoạt động, tiến hành thực hiện theo kế hoạch, ghi lại kết quả sau một quá trình.

Trong thực tế, chúng tôi đã tổ chức được hai lần cho một số SV đi tham quan và tham gia hai đợt trải nghiệm ở Trường nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa, Trường Khuyết tật Mai Linh. Từ bước đầu còn bỡ ngỡ, nhưng sau hai tuần trải nghiệm, nhiều SV đã tỏ ra thích ứng với việc chăm sóc và dạy dỗ TKT.

(Xem tiếp trang 54)

Tuy nhiên, mức độ phát triển KNGT của trẻ KTTT là rất thấp. Do đó, cần có những biện pháp để hỗ trợ giúp trẻ phát triển một số KNGT trong môi trường hòa nhập ở trường MN.

2.3. Nguyên nhân của thực trạng phát triển KNGT cho trẻ KTTT 5-6 tuổi

Vấn đề phát triển KNGT cho trẻ KTTT chưa được nhiều nhà giáo dục quan tâm, do đó các KNGT cho trẻ KTTT và hệ thống các biện pháp chưa mang lại hiệu quả cao. Công tác bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục hòa nhập cho trẻ KTTT cho GV MN còn hạn chế. Hầu hết, GV MN chỉ mới trải qua một học phần trong chương trình đào tạo GV MN. Nội dung kiến thức của chương trình chỉ tập trung về các nội dung, phương pháp dạy cho trẻ khuyết tật nói chung chưa đi sâu cụ thể vào đối tượng trẻ KTTT và đặc biệt là lĩnh vực phát triển KNGT cho KTTT. Tài liệu hướng dẫn nhằm phát triển KNGT cho trẻ KTTT trong lớp học hòa nhập ở trường MN chưa nhiều. Điều đó cũng gây khó khăn cho GV trong việc thực hiện nội dung trên. GV MN vận dụng các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ KTTT trong lớp học hòa nhập ở trường MN còn hạn chế, chưa có được những hướng dẫn cụ thể, có hệ thống chủ yếu thực hiện công việc theo kinh nghiệm của bản thân.

KNGT có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của trẻ MN nói chung và trẻ KTTT nói riêng. Kết quả nghiên cứu và khảo sát thực trạng phát triển KNGT cho trẻ KTTT 5-6 tuổi ở các trường MN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cho thấy, vấn đề này đang ngày càng được quan tâm. Thực trạng cũng chỉ ra rằng, GV đã có những nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của phát triển KNGT cho trẻ KTTT 5-6 tuổi. Các biện pháp GV đã áp dụng chưa mang lại hiệu quả cao do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế. Thực trạng tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho trẻ KTTT 5-6 tuổi và thực trạng KNGT của trẻ còn kém cũng đã phản ánh được tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu. Vì vậy, chúng tôi hi vọng những đánh giá thực trạng trong bài nghiên cứu này sẽ làm cơ sở đề xuất những biện pháp phát triển KNGT cho trẻ KTTT 5-6 tuổi trong lớp MGHN ở các trường MN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược giáo dục toàn diện trẻ MN trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

[1] Huỳnh Thị Thu Hằng (2010). *Đại cương về trẻ chậm phát triển trí tuệ*. Đại học Đà Nẵng.

[2] Nguyễn Thị Hòa (2009). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Ngô Công Hoàn (2011). *Giao tiếp và ứng xử của cô giáo với trẻ em*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Trần Thị Thiệp - Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho - Trần Thị Minh Thành (2006). *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục.

[5] *Let's Communicate - Section 4 - MENTAL HANDICAP A handbook for people working with children with communication difficulties*.

[6] Nguyễn Quang Uẩn (2004). *Giao tiếp sư phạm trong giáo dục đặc biệt*. Tài liệu bài giảng, Trường Đại học sư phạm Ngoại ngữ.

[7] Nguyễn Thị Hoàng Yến (chủ biên) - Đỗ Thị Thảo (2010). *Đại cương về giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*. NXB Đại học Sư phạm.

Vấn đề trẻ khuyết tật và biện pháp...

(Tiếp theo trang 60)

Từ các biện pháp nêu trên, SV của Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu đã có chuyển biến thực sự về giáo dục TKT. SV đến thực tập các trường mầm non, tiểu học có TKT đều mong muốn được thực nghiệm ở các lớp có TKT tham gia giáo dục hòa nhập. Điều này chưa xảy ra ở những năm trước đây.

Trẻ khuyết tật Việt Nam có được bình đẳng trong giáo dục và có cơ hội để thành công hay không thì không thể sống nhờ vào lòng hảo tâm, sự viện trợ của các tổ chức quốc tế mà cái chính là cơ hội được học tập và được giúp đỡ trong học tập. Người trực tiếp giúp đỡ các em không ai khác chính là đội ngũ các thầy/cô giáo, trong đó yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng đội ngũ này để thực hiện giáo dục TKT nói chung, giáo dục hòa nhập TKT nói riêng chính là các trường đào tạo giáo viên. □

Tài liệu tham khảo

[1] <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=34054&print=true> 2/6

[2] <http://www.baithuocquy.com/me-va-be/nguyen-nhan-khien-tre-bi-khuyet-tat-bam-sinh/d1864>

[3] Linda Broatch, M.A. (1996). *Learning Disabilities and Psychological Problems—An Overview*. *Journal of Learning Disabilities*, Volume 29, Pp. 226-237.

[4] Le Minh Hang (2013). *Inclusive Education – The door is open to disabled children in Vietnam*. *Journal of Swarthmore College*, Volume 133, pages 125-137.

[5] Mont, D., & Nguyen, V (2011). *Disability and Poverty in Vietnam*. *The World Bank Economic Review*, 25(2), Pages 323-359.